

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHƯƠNG MỸ
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 553/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 18 - 12 - 2020.

“V/v: Ly hôn, nuôi con chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHƯƠNG MỸ - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết Mai

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Hà; bà Nguyễn Thị Liên

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Luân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chương Mỹ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chương Mỹ tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu - Kiểm sát viên.

Trong ngày 18 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chương Mỹ, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 408/2020/TLST-HNGĐ ngày 02/10/2020 về việc tranh chấp “Ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 98/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 13/11/2020, Quyết định hoãn phiên tòa số 64/2020/QĐST-HNGĐ ngày 04/12/2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Phùng Thị D, sinh năm 1995; HKTT: Thôn A, xã HV, C, Hà Nội. Hiện cư trú: Thôn 3/2B, xã LS, huyện L, Hòa Bình. Nghề nghiệp: Công nhân. Có mặt

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Trác T, sinh năm 1989; HKTT và cư trú: Thôn A, xã HV, C, Hà Nội. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 21/7/2020, ý kiến tại bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn – Chị Phùng Thị D trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Trác T tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại UBND xã HV, huyện C, Hà Nội vào ngày 04/5/2012.

Trong quá trình chung sống đến cuối năm 2018 thì hay xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh T hay uống rượu, không quan tâm đến vợ con. Từ tháng

8/2019 thì chị và anh T ly thân cho đến nay. Nay chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

Về con chung: Chị và anh T có hai con chung là: Nguyễn Thị Ph sinh ngày 30/8/2012, Nguyễn Trác N sinh ngày 20/10/2016. Hiện nay chị đang nuôi dưỡng cháu Ph, anh T nuôi dưỡng cháu N và chị vẫn về thăm cháu N. Khi ly hôn chị có nguyện vọng được nuôi cháu Ph và anh T nuôi cháu N và không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Hiện nay chị đang làm Công nhân tại Công ty cổ phần nông nghiệp Công Nghệ Cao T, thu nhập 6.000.000 đồng/tháng.

Về tài sản chung, công nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Bị đơn – Anh Nguyễn Trác T:** Đã được Tòa án tổng đạt văn bản tố tụng qua mẹ đẻ là bà Phùng Thị Th và qua đường bưu điện nhưng anh T đều không đến Tòa án làm việc và không trình bày quan điểm.

*** Bà Phùng Thị Th – Mẹ đẻ anh Nguyễn Trác T trình bày:** Năm 2011 thì anh T và chị D được hai bên gia đình tổ chức cưới theo phong tục tập quán địa phương. Sau khi cưới thì hai vợ chồng chung sống tại xã TL, huyện L, Hòa Bình. Đến tháng 9/2019 âm lịch thì anh T về ở với bà đến nay. Gia đình bà có khuyên bảo vợ chồng anh T, chị D nhưng chị D nhất quyết không về chung sống cùng anh T. Vợ chồng T - D có hai con chung là Nguyễn Thị Ph và Nguyễn Trác N. Anh T không muốn ly hôn với chị D nên anh T không đến Tòa án làm việc.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn – Chị D vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chương Mỹ tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

+ Về tố tụng: Từ khi thụ lý đến khi xét xử, Tòa án đã tuân thủ đúng các quy định trong Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật. Nguyên đơn đã chấp hành đầy đủ và đúng quyền, nghĩa vụ tố tụng của họ. Bị đơn không chấp hành đầy đủ và đúng quyền, nghĩa vụ tố tụng của họ

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử xử cho chị D được ly hôn với anh T. Giao cháu Nguyễn Thị Ph cho chị D nuôi dưỡng, giao cháu Nguyễn Trác N cho anh T nuôi dưỡng. Về tài sản chung, công nợ chung: Chị D không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về án phí: chị D phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng: Chị Phùng Thị D có đơn khởi kiện đối với anh Nguyễn Trác T về việc xin ly hôn, nuôi con sau ly hôn nên xác định đây là vụ án Hôn nhân và gia đình về "Ly hôn, nuôi con sau ly hôn" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Bị đơn – Anh T có hộ khẩu thường trú và cư trú tại xã HV, huyện C, Thành phố Hà Nội, nên Tòa án nhân dân huyện Chương Mỹ thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn - Anh Nguyễn Trác T: Đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng nhưng không đến Tòa án làm việc. Anh T vắng mặt lần thứ hai không có lý do chính đáng nên căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt anh T.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Phùng Thị D và anh Nguyễn Trác T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 04/05/2012 tại UBND xã HV, huyện C, Hà Nội, tuân thủ các quy định của Luật Hôn nhân và gia đình là hôn nhân hợp pháp.

Chị D cho rằng anh T chơi bời không quan tâm đến vợ con nên anh chị đã ly thân từ tháng 8/2019 đến nay. Anh T đã nhận được văn bản tố tụng của Tòa án, không đến tòa án làm việc thể hiện quan điểm, hòa giải khắc phục quan hệ vợ chồng. Xét mâu thuẫn giữa chị D và anh T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, xử cho chị D được ly hôn với anh T.

[2.2] Về con chung: Anh T và chị D có hai con chung là Nguyễn Thị Ph sinh ngày 30/8/2012, Nguyễn Trác N sinh ngày 20/10/2016.

Hiện nay chị D đang nuôi dưỡng cháu Ph; anh T đang nuôi dưỡng cháu N. Khi ly hôn chị D có nguyện vọng được nuôi dưỡng cháu Ph và để anh T có nguyện vọng nuôi dưỡng cháu N. Cháu Ph có nguyện vọng được ở với mẹ là chị D. Xét thấy nguyện vọng của chị D, cháu Ph và thực tế các đương sự đang nuôi dưỡng, chăm sóc các con nên Hội đồng xét xử quyết định giao cháu Ph cho chị D nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục; giao cháu N cho anh T nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục là phù hợp với quy định Điều 81, 82 Luật hôn nhân gia đình.

[2.3]. Về cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn: Chị D không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy chị D và anh T mỗi người nuôi một con nên không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[2.4]. Về tài sản chung, công nợ chung: Chị D không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3]. Về án phí: Chị D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa XIV là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 53; khoản 1 Điều 56; Điều 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14.

Xử:

1. Chị Phùng Thị D được ly hôn với anh Nguyễn Trác T.

2. Về con chung: Chị Phùng Thị D và anh Nguyễn Trác T có hai con chung là: Nguyễn Thị Ph sinh ngày 30/8/2012, Nguyễn Trác N sinh ngày 20/10/2016.

Giao cháu Nguyễn Thị Ph cho chị Phùng Thị D nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu Ph đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác.

Giao cháu Nguyễn Trác N cho anh Nguyễn Trác T nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu N đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác.

Chị Phùng Thị D và anh Nguyễn Trác T đều có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở;

3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Phùng Thị D và anh Nguyễn Trác T không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung cho anh T, chị D cho đến khi có yêu cầu khác.

4. Về tài sản chung; công nợ chung: Không giải quyết.

5. Về án phí: Chị Phùng Thị D phải nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn; được đối trừ với 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí chị D đã nộp theo “Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án” số AA/2018/10075 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chương Mỹ ngày 02/10/2020.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc kể từ ngày Bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND thành phố Hà Nội;
- VKSND huyện Chương Mỹ;
- Chi cục THADS huyện Chương Mỹ;
- UBND xã HV (Số 51/2012);
- Lưu: Hồ sơ /V.phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Tuyết Mai